Số: 30/2025/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2025-12-12T15:26:15+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30 /2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Xét Tờ trình số 2321/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 621/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi) hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (không phải đền bù thiệt hại).

2. Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.

3. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

4. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, cùng một thời điểm, cơ sở sản xuất được nhận hỗ trợ một chính sách cao nhất.

Điều 4. Đối tượng hỗ trợ

1. Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

2. Doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 5. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thuỷ sản, vật nuôi để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật xảy ra từ ngày 01/9/2024 nếu chưa được nhận hỗ trợ thì được áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khoá X, Kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Các Phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

MỨC HỖ TRỢ CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI CÂY TRỒNG, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN, VẬT NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	MỨC HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH
I	**HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT**		
1	**Diện tích lúa**		
a	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000	đồng/ha
b	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000	đồng/ha
c	Sau gieo trồng trên 45 ngày		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000	đồng/ha
2	**Diện tích mạ**		
a	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000	đồng/ha
b	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000	đồng/ha
3	**Diện tích cây hằng năm khác**		
a	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000	đồng/ha
b	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		

STT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	MỨC HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000	đồng/ha
c	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000	đồng/ha
4	**Diện tích cây trồng lâu năm**		
a	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	12.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	6.000.000	đồng/ha
b	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000	đồng/ha
c	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000	đồng/ha
d	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:		
-	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000	đồng/ha
II	**HỖ TRỢ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT**		
1	**Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác**		
a	Thiệt hại trên 70%	8.000.000	đồng/ha
b	Thiệt hại từ 30% đến 70%	4.000.000	đồng/ha

STT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	MỨC HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH
2	**Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi**		
a	Thiệt hại trên 70%	15.000.000	đồng/ha
b	Thiệt hại từ 30% đến 70%	7.500.000	đồng/ha
3	**Diện tích vườn giống, rừng giống**		
a	Thiệt hại trên 70%	20.000.000	đồng/ha
b	Thiệt hại từ 30% đến 70%	10.000.000	đồng/ha
4	**Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm**		
a	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
-	Thiệt hại trên 70%	40.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70%	20.000.000	đồng/ha
b	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
-	Thiệt hại trên 70%	60.000.000	đồng/ha
-	Thiệt hại từ 30% đến 70%	30.000.000	đồng/ha
III	**HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN (BAO GỒM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN) BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI**		
1	**Nuôi trồng thuỷ sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)**	**60.000.000**	**đồng/ha**
2	**Nuôi trồng thuỷ sản trong bể, lồng, bè**	**30.000.000**	**đồng/100 m^3**
3	**Nuôi trồng thuỷ sản theo hình thức khác**	**15.000.000**	**đồng/ha**
IV	**HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIỆT HẠI (CHẾT, MẤT TÍCH) DO THIÊN TAI**		
1	**Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)**		
-	Đến 28 ngày tuổi	30.000	đồng/con
-	Trên 28 ngày tuổi	45.000	đồng/con
2	**Chim cút**		
-	Đến 28 ngày tuổi	5.000	đồng/con

STT	NỘI DUNG HỖ TRỢ	MỨC HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH
-	Trên 28 ngày tuổi	10.000	đồng/con
3	**Lợn (Heo)**		
-	Đến 28 ngày tuổi	600.000	đồng/con
-	Trên 28 ngày tuổi	1.500.000	đồng/con
-	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	3.000.000	đồng/con
4	**Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi**	**4.000.000**	**đồng/con**
5	**Bò sữa trên 06 tháng tuổi**	**12.000.000**	**đồng/con**
6	**Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi**	**3.000.000**	**đồng/con**
7	**Trâu, bò thịt, ngựa trên 06 tháng tuổi**	**7.000.000**	**đồng/con**
8	**Hươu sao, cừu, dê, đà điểu**	**2.500.000**	**đồng/con**
9	**Thỏ đến 28 ngày tuổi**	**50.000**	**đồng/con**
10	**Thỏ trên 28 ngày tuổi**	**70.000**	**đồng/con**
11	**Ong mật (đàn)**	**500.000**	**đồng/đàn**